

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-11-2021  
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị N Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quốc Việt

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:***  
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 234/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2021, về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn M, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện Q, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường S, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn ông Lê Văn M và bị đơn bà Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Lê Văn M thể hiện:*

Ông M sống chung với bà Trương Thị N từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông M và bà N có 01 người con chung là Lê Thị Kiều P, sinh năm 1994. Thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2001, vợ ông M về nhà mẹ ruột đám giỗ rồi không về sống chung với ông M nữa, ông M cũng không biết lý do vì sao. Ông M có tìm gặp vợ ông M để khuyên vợ về tiếp tục chung sống với cha con ông nhưng bà N nhất quyết không về nên ông M và bà N ly thân nhau từ đó đến nay đã gần 20 năm. Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà Trương Thị N. Về con chung 01 người là Lê Thị Kiều P, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn bà Trương Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện:*

Bà N sống chung với ông Lê Văn M như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống bà N và ông M có 01 người con chung là Lê Thị Kiều P, sinh năm 1994. Qua đơn xin ly hôn của ông M thì bà N cũng đồng ý. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân bà N đồng ý ly hôn với ông Lê Văn M. Về con chung 01 người là Lê Thị Kiều P, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Về con chung 01 người là Lê Thị Kiều P, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung ông M khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện bà N thống nhất theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Các đương sự đều vắng mặt nên cũng không trực tiếp thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Xin ly hôn”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn M và bị đơn bà Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử có căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không thực hiện thủ tục tố tụng tiến hành điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ đối với vụ án này nên đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M và bà Trương Thị N sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông M yêu cầu xin ly hôn với bà N do vợ chồng đã ly thân nhau nhiều năm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông M, do quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông M là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện bà N thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Do ông M và bà N không có đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp vì đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M, không công nhận ông Lê Văn M và bà Trương Thị N là vợ chồng.

[4] Về con chung: 01 người là Lê Thị Kiều P, sinh ngày 01/01/1994, đã trưởng thành nên ông M và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy con chung của ông M và bà N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Lê Văn M và bà Trương Thị N đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn M phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn M. Không công nhận ông Lê Văn M và bà Trương Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Lê Thị Kiều P, sinh ngày 01/01/1994, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn M và bà Trương Thị N đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

**\* Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Buộc ông Lê Văn M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007374 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên ông M không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị N Chi**